**Tuần 10:**

**Tiết 1: ƯỚC CHUNG LỚN NHẤT**

**Ngày dạy:08/11/2020**

**Lớp dạy: 6A4,6a5**

**I ) MỤC TIÊU :**

\_ HS hiểu được thế nào là ƯCLN của hai hay nhiều số, thế nào là hai số nguyên tố cùng nhau, ba số nguyên tố cùng nhau

\_ HS biết tìm ƯCLN của hai hay nhiều số bằng cách phân tích các số đó ra thừa số nguyên tố

\_ HS biết tìm ƯCLN một cách hợp lí trong từng trường hợp cụ thể, biết tìm ƯC và ƯCLN trong các bài toán thực tế

**II ) CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH :**

\_ GV : SGK, thước thẳng, phấn màu …

\_ HS : SGK, thước kẻ …

**III ) TIẾN TRÌNH DẠY HỌC :**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | **NỘI DUNG GHI BẢNG** |
| **HOẠT ĐỘNG 1 : KIỂM TRA BÀI CŨ** | | |
| GV đưa ra câu hỏi :  \_ HS1 : Thế nào là giao của hai tập hợp ?  + Sửa bài tập 172 SBT  \_ HS2 : Thế nào là ước chung của hai hay nhiều số ?  + Sửa bài tập 171 SBT  \_ GV nhận xét, đánh giá và cho điểm | \_ HS lên bảng trả lời câu hỏi và sửa bài tập |  |
| **HOẠT ĐỘNG 2 : ƯỚC CHUNG LỚN NHẤT** | | |
| GV nêu ví dụ 1 : Tìm tập hợp : Ư(12); Ư(30); ƯC(12; 30). Tìm số lớn nhất trong tập hợp ƯC(12; 30).  \_ GV giới thiệu ước chung lớn nhất và kí hiệu :  Ta nói 6 là ước chung lớn nhất của 12 và 30, kí hiệu ƯCLN(12; 30) = 6  Vậy ƯCLN của hai hay nhiều số là số như thế nào ?  - Hãy nêu nhận xét về quan hệ giữa ƯC và ƯCLN trong ví dụ trên.  - Hãy tìm ƯCLN(5; 1)  ƯCLN(12; 30; 1)  \_ GV nêu chú ý : Nếu trong các số đã cho có một số bằng 1 thì ƯCLN của các số đó bằng 1  \* Củng cố : GV đưa lên bảng phụ phần đóng khung, nhận xét và chú ý | \_ HS hoạt động nhóm thực hiện bài làm trên giấy trong  Ư(12) = {1; 2; 3; 4; 6; 12}  Ư(30) = {1; 2; 3; 5; 6; 10; 15; 30}  Vậy ƯC(12; 30) = {1; 2; 3; 6}  Số lớn nhất trong tập hợp các ƯC(12; 30) là 6  \_ HS đọc phần đóng khung trong SGK trang 54  \_ Tất cả các ƯC của 12 và 30 đều là ước của ƯCLN(12; 30)  ĐS: 1  ĐS : 1  \_ Một HS phát biểu lại | **1) Ước chung lớn nhất :**  Ví dụ :  Ư(12) = {1; 2; 3; 4; 6; 12}  Ư(30) = {1; 2; 3; 5; 6; 10; 15; 30}  ƯC(12; 30) = {1; 2; 3; 6}  Số lớn nhất trong tập hợp các ƯC(12; 30) là 6  Ta nói 6 là ước chung lớn nhất của 12 và 30, kí hiệu ƯCLN(12; 30) = 6  Ước chung lớn nhất của hai hay nhiều số là số lớn nhất trong tập hợp các ước chung của các số đó  \* Chú ý : SGK |
| **HOẠT ĐỘNG 3 : TÌM ƯCLN BẰNG CÁCH PHÂN TÍCH CÁC SỐ**  **RA THỪA SỐ NGUYÊN TỐ** | | |
| \_ GV nêu ví dụ 2 :  Tìm ƯCLN(36; 84; 168)  \_ Hãy phân tích 36; 84; 168 ra thừa số nguyên tố (viết tắt : TSNT)  \_ Số nào là TSNT chung của ba số trên trong dạng phân tích ra TSNT? Tìm TSNT chung với số mũ nhỏ nhất ? Có nhận xét gì về TSNT 7 ?  \_ Như vậy để có ƯC ta lập tích các TSNT chung, mỗi thừa số lấy với số mũ nhỏ nhất của nó. Từ đó rút ra quy tắc tìm ƯCLN  \* Củng cố :  Trở lại ví dụ 1. Tìm ƯLN(12; 30) bằng cách phân tích 12 và 30 ra TSNT  ?2 Tìm ƯCLN(8; 9)  \_ GV giới thiệu 8 và 9 là hai số nguyên tố cùng nhau  \_ Tương tự ƯCLN(8; 21; 15) = 1  ⇒ 8; 21; 15 là 3 số nguyên tố cùng nhau  \_ Tìm ƯCLN(24; 16; 8)  Yêu cầu HS quan sát đặc điểm của ba số đã cho ?  \_ GV : Trong trường hợp này, không cần phân tích ra TST ta vẫn tìm được ƯCLN ⇒ chú ý SGK  \_ GV đưa lên bảng phụ nội dung 2 chú ý trong SGK | \_ HS làm bài theo sự chỉ dẫn của GV trên giấy trong.  36 = 22.32  84 = 22.3.7  168 = 23.3.7  \_ Số 2 và số 3  Số mũ nhỏ nhất của thừa số nguyên tố 2 là 2. Số mũ nhỏ nhất của thừa số nguyên tố 3 là 1.  Số 7 không là TSNT chung của ba số trên vì nó không có trong dạng phân tích ra TSNT của 36  \_ ƯCLN(36; 84; 168) = 22.3 = 12  \_ HS nêu 3 bước của việc tìm ƯCLN của hai hay nhiều số lớn hơn 1.  12 = 22.3  30 = 2.3.5  ⇒ ƯCLN(12; 30) = 2.3 = 6  \_ HS : 8 = 23; 9 =32  Vậy 8 và 9 không có TSNT chung  ⇒ ƯCLN(8; 9) = 1  24  8; 16  8 số nhỏ nhất là ước của hai số còn lại  ⇒ ƯCLN(24; 16; 8) = 8  \_ HS phát biểu lại các chú ý | **2) Tìm ƯCLN bằng cách phân tích các số ra thừa số nguyên tố :**  Cách tìm ƯCLN : SGK  Ví dụ : Tìm ƯCLN(36; 84; 168)  36 = 22.32  84 = 22.3.7  168 = 23.3.7  ƯCLN(36; 84; 168) = 22.3 = 12  \* Chú ý : SGK |
| **HOẠT ĐỘNG 4 : LUYỆN TẬP – CỦNG CỐ** | | |
| \_ GV cho HS làm các bài tập 139, 140 trang 56 SGK.  \_ GV sửa bài cho HS | \_ HS lên bảng làm bài. Các em còn lại làm bài vào tập  \_ HS sửa bài vào tập |  |
| **HOẠT ĐỘNG 5 : HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ** | | |
| \_ Học bài  \_ Làm bài tập 141, 142 trang 56 SGK; 176 (SBT)  \_ Tiết sau luyện tập | | |

**\* Rút kinh nghiệm:**

\_ Gv giảng chậm, kỹ yêu cầu HS tập trung nghe giảng cách tìm ƯCLN của hai hay nhiều số bằng cách phân tích các số đó ra thừa số nguyên tố

\_ GV cho thêm toán thực tế để HS luyện tập.

**Tuần 10**

**Tiết 2: LUYỆN TẬP**

**Ngày dạy:08/11/2020**

**Lớp dạy: 6A4,6a5**

**I ) MỤC TIÊU :**

\_ HS được củng cố cách tìm ƯCLN của hai hay nhiều số

\_ HS biết cách tìm ước chung thông qua tìm ƯCLN

\_ Rèn cho HS biết quan sát, tìm tòi đặc điểm các bài tập để áp dụng nhanh, chính xác

**II ) CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH :**

\_ GV : SGK, thước thẳng, phấn màu …

\_ HS : SGK, thước kẻ …

**III ) TIẾN TRÌNH DẠY HỌC :**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | **NỘI DUNG GHI BẢNG** |
| **HOẠT ĐỘNG 1 : KIỂM TRA BÀI CŨ** | | |
| GV nêu câu hỏi :  \_ HS1 : ƯCLN của hai hay nhiều số là số như thế nào ?  + Sửa bài tập 141 SGK  \_ HS2 : Nêu qui tắc tìm ƯCLN của hai hay nhiều số lớn hơn 1  + Sửa bài tập 176 SBT  \_ GV nhận xét, đánh giá và cho điểm | \_ HS lên bảng trả lời câu hỏi và sửa bài tập |  |
| **HOẠT ĐỘNG 2 : LUYỆN TẬP** | | |
| **Bài 142 trang 56 SGK**  Tìm ƯCLN rồi tìm các ước chung của :  a) 16 và 24  b) 180 và 234  c) 60, 90, 135  **Bài 143 trang 56 SGK**  Tìm số tự nhiên a lớn nhất, biết rằng 420  a và 700  a  **Bài 144 trang 56 SGK**  Tìm các ước chung lớn hơn 20 của 144 và 192  **Bài 145 trang 56 SGK**  Lan có một tấm bìa hình chữ nhật kích thước 75cm và 105cm. Lan muốn cắt tấm bìa thành các mảnh nhỏ hình vuông bằng nhau sao cho tấm bìa được cắt hết, không còn thừa mảnh nào. Tính độ dài lớn nhất của cạnh hình vuông (số đo cạnh của hình vuông nhỏ là một số tự nhiên với đơn vị là xentimet). | \_ HS :  a) ƯCLN(16, 24) = 23 = 8  16 = 24  24 = 23.3  Vậy ƯC(16, 24) = Ư(8) = {1; 2; 4; 8}  b) ƯCLN(180, 234) = 18  Vậy ƯC(180, 234) = Ư(18) = {1; 2; 3; 6; 9; 18}  c) ƯCLN(60, 90, 135) = 15  Vậy ƯC(60, 90, 135) = Ư(15) = {1; 3; 5; 15}  \_ HS :  a là ƯCLN của 420 và 700  ƯCLN(420, 700) = 140  Vậy a = 140  \_ HS :  ƯCLN(144, 192) = 48  ƯC(144, 192) = Ư(48) = {1; 2; 3; 4; 6; 8; 12; 16; 24; 48}  Vậy các ước chung lớn hơn 20 của 144 và 192 là : 24; 48  \_ HS :  Để tấm bìa được cắt hết thành các mảnh nhỏ hình vuông bằng nhau thì độ dài mỗi cạnh của hình vuông phải là ước số chung của 75 và 105. D0 đó độ dài lớn nhất của cạnh hình vuông (tính bằng cm) là ƯCLN(75, 105), tức là 15cm | **Bài 142 trang 56 SGK**  a) ƯCLN(16, 24) = 23 = 8  16 = 24  24 = 23.3  Vậy ƯC(16, 24) = Ư(8) = {1; 2; 4; 8}  b) ƯCLN(180, 234) = 18  Vậy ƯC(180, 234) = Ư(18) = {1; 2; 3; 6; 9; 18}  c) ƯCLN(60, 90, 135) = 15  Vậy ƯC(60, 90, 135) = Ư(15) = {1; 3; 5; 15}  **Bài 143 trang 56 SGK**  a là ƯCLN của 420 và 700  ƯCLN(420, 700) = 140  Vậy a = 140  **Bài 144 trang 56 SGK**  ƯCLN(144, 192) = 48  ƯC(144, 192) = Ư(48) = {1; 2; 3; 4; 6; 8; 12; 16; 24; 48}  Vậy các ước chung lớn hơn 20 của 144 và 192 là : 24; 48  **Bài 145 trang 56 SGK**  Để tấm bìa được cắt hết thành các mảnh nhỏ hình vuông bằng nhau thì độ dài mỗi cạnh của hình vuông phải là ước số chung của 75 và 105. D0 đó độ dài lớn nhất của cạnh hình vuông (tính bằng cm) là ƯCLN(75, 105), tức là 15cm |
| **HOẠT ĐỘNG 3 : HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ** | | |
| \_ Xem lại các bài tập đã sửa  \_ Bài tập 177, 178, 180, 183 trong SBT  \_ Tiết sau tiếp tục luyện tập | | |

**\* Rút kinh nghiệm:**

\_GV củng cố cách tìm ƯCLN của hai hay nhiều số, cách tìm ước chung thông qua tìm ƯCLN

\_ Rèn cho HS biết quan sát, tìm tòi đặc điểm các bài tập để áp dụng nhanh, chính xác

**Tuần 10**

**Tiết 3: LUYỆN TẬP**

**Ngày dạy:10/11/2020**

**Lớp dạy: 6A4,6a5**

**I ) MỤC TIÊU :**

\_ HS được củng cố các kiến thức về tìm ƯCLN, tìm các ƯC thông qua tìm ƯCLN

\_ Rèn kĩ năng tính toán, phân tích ra TSNT; tìm ƯCLN

\_ Vận dụng trong việc giải các bài toán đố

**II ) CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH :**

\_ GV : SGK, thước thẳng, phấn màu …

\_ HS : SGK, thước kẻ …

**III ) TIẾN TRÌNH DẠY HỌC :**

**TIẾT 33**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | **NỘI DUNG GHI BẢNG** |
| **HOẠT ĐỘNG 1 : KIỂM TRA BÀI CŨ** | | |
| GV nêu câu hỏi :  \_ HS1 : Nêu cách tìm ƯCLN bằng cách phân tích các số ra TSNT?  + Tìm số tự nhiên a lớn nhất biết rằng  480  a và 600  a  \_ HS2 : Nêu cách tìm ƯC thông qua tìm ƯCLN  + Tìm ƯCLN rồi tìm ƯC(126; 210; 90)  \_ GV nhận xét, đánh giá và cho điểm | \_ HS lên bảng trả lời câu hỏi và sửa bài tập |  |
| **HOẠT ĐỘNG 2 : LUYỆN TẬP** | | |
| **Bài 146 trang 57 SGK**  Tìm số tự nhiên x, biết rằng 112  x; 140  x và 10 < x < 20  **Bài 147 trang 57 SGK**  Mai và Lan mỗi người mua cho tổ mình một số hộp bút chì màu. Mai mua 28 bút, Lan mua 36 bút. Số bút trong các hộp bút đều bằng nhau và số bút trong mỗi hộp lớn hơn 2  a) Gọi số bút trong mỗi hộp là a. Tìm quan hệ giữa số a với mỗi số 28, 36, 2  b) Tìm số a nói trên  c) Hỏi Mai mua bao nhiêu hộp bút chì màu ? Lan mua bao nhiêu hộp bút chì màu ?  **Bài 148 trang 57 SGK**  Đội văn nghệ của một trường có 48 nam và 72 nữ về một huyện để biểu diễn. Muốn phục vụ đồng thời tại nhiều địa điểm, đội dự định chia thành các tổ gồm cả nam và nữ, số nam được chia đều vào các tổ, số nữ cũng vậy.  Có thể chia được nhiều nhất thành bao nhiêu tổ ?  Khi đó mỗi tổ có bao nhiêu nam, bao nhiêu nữ ? | \_ HS :  ƯCLN(112, 140) = 28  ƯC(112, 140) = Ư(28) = {1; 2; 4; 7; 12; 28}  Vậy số x cần tìm là : 12  \_ HS :  a) a là ước của 28, a là ước của 36, a > 2  b) a ∈ ƯC(28, 36) và a > 2. Từ đó tìm được a = 4  c) Mai mua 7 hộp bút, Lan mua 9 hộp bút  \_ HS :  Số tổ nhiều nhất là ƯCLN(48, 72) = 24. Khi đó mỗi tổ có 2 nam, 3 nữ | **Bài 146 trang 57 SGK**  ƯCLN(112, 140) = 28  ƯC(112, 140) = Ư(28) = {1; 2; 4; 7; 12; 28}  Vậy số x cần tìm là : 12  **Bài 147 trang 57 SGK**  a) a là ước của 28, a là ước của 36, a > 2  b) a ∈ ƯC(28, 36) và a > 2. Từ đó tìm được a = 4  c) Mai mua 7 hộp bút, Lan mua 9 hộp bút  **Bài 148 trang 57 SGK**  Số tổ nhiều nhất là ƯCLN(48, 72) = 24. Khi đó mỗi tổ có 2 nam, 3 nữ |
| **HOẠT ĐỘNG 3 : HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ** | | |
| \_ Xem lại các bài tập đã sửa  \_ Bài tập 182, 184, 186, 187 trong SBT  \_ Xem trước bài “Bội chung nhỏ nhất” | | |

**\* Rút kinh nghiệm:**

\_GV cho nhiều bài tập trên lớp và về nhà để HS luyện tập.

\_ GV chú ý tập ghi chép và rèn cho HS yếu hiểu bài.